

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HSPT

Ngày 29 - 7- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Bà Lương Hải Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2020/TLPT-HS ngày 15/6/2020 đối với các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng Văn P, Phan Bá D, Ngô Văn H, Phạm Văn K, Phan Văn Đ do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 40/2020/HSST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo **Phạm Văn T** - sinh năm 1968, tại Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 01/10 (không biết chữ); Con ông Phạm Văn R và bà Trần Thị L (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị T1 và 01 con sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/02/2020 đến ngày 05/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Bị cáo **Hoàng Văn P** - sinh năm 1983, tại Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Hoàng Văn L1 và bà Vũ Thị B; có vợ là Vũ Thị P1 và 02 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Từ tháng 02/2003 thực hiện nghĩa vụ quân sự đến tháng 01/2006 xuất ngũ về địa phương; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/02/2020, đến ngày 05/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Bị cáo **Phan Bá D** - sinh năm 1970, tại Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Phan Bá D1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ1; có vợ là Trần Thị D2 và 02 con (con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2010); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Các quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20 ngày 04/12/2005, số 152 ngày 07/3/2011, số 508 ngày 10/10/2011, số 120 ngày 16/12/2012, số 197 ngày 31/8/2016 của Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đều xử phạt vi phạm hành chính đối với Phan Bá D về hành vi “Đánh bạc” và “Gá bạc”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/02/2020, đến ngày 05/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Bị cáo **Ngô Văn H** - sinh năm 1984, tại Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Ngô Văn C (đã chết) và bà Vũ Thị M; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Các quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 240 ngày 01/4/2008; số 14 ngày 06/12/2010; số 507 ngày 10/10/2011; số 98 ngày 28/01/2013 của Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đều xử phạt vi phạm hành chính đối với Ngô Văn H về hành vi “Đánh bạc”; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/02/2020, đến ngày 05/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Bị cáo **Phạm Văn K** - sinh năm 1964, tại Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Phạm Văn B1 và bà Phạm Thị L2 (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị R1 và 02 con (con lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm

1990); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tháng 02/1987 thực hiện nghĩa vụ quân sự, đến tháng 6/1990 xuất ngũ về địa phương; Các quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 236 ngày 01/4/2008, số 11 ngày 06/12/2010, số 121 ngày 14/12/2012 của Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đều xử phạt hành chính đối với Phạm Văn K về hành vi “Đánh bạc”; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/02/2020, đến ngày 05/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Bị cáo **Phan Văn Đ** - sinh năm 1973, tại Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 01/12 (không biết chữ); Con ông Phan Bá D1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ1; có vợ là Lê Thị H1 và 02 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2001); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 02/2009/HSST ngày 05/01/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt Phan Văn Đ 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/02/2020, đến ngày 05/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Trong vụ án còn có các bị cáo Trần Văn M1, Hoàng Trung H2, Nguyễn Văn B2, Trần Văn M2, Trần Văn Đ2, Lê Duy K1, Trần Văn K2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị T1, do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 02/02/2020, Hoàng Văn P, Phan Bá D, Ngô Văn H, Phạm Văn K, Phan Văn Đ cùng Trần Văn M1, Hoàng Trung H2, Nguyễn Văn B2, Trần Văn M2, Trần Văn Đ2, Lê Duy K1, Trần Văn K2 lần lượt đến nhà Phạm Văn T tại thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình chơi. Trong lúc uống nước, nói chuyện, P nảy sinh ý định đánh bạc nên nói với mọi người “Anh em mình xuống gian bếp làm tý xóc đĩa ăn tiền”, tất cả đều đồng ý. T đồng ý nên đã trải chiếu cói của gia đình xuống nền gian bếp và lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ của gia đình đặt xuống chiếu để đánh bạc; D lấy chiếc kéo bằng kim loại cắt 01 lá bài tú

lơ khơ (chiếc kéo và lá bài có sẵn trên mặt bàn uống nước) thành 04 quân vị hình tròn tương tự nhau, đường kính mỗi quân khoảng 01cm, mặt trước và mặt sau có đặc điểm khác nhau. Các bị cáo thống nhất, mỗi người chơi phải nộp tiền hồ cho T (chủ nhà) 100.000 đồng. Đã có 07 người nộp 600.000 đồng tiền hồ cho T, cụ thể: M2, K1, Đ, D, P mỗi người nộp 100.000 đồng; Đ2, H2 mỗi người nộp 50.000 đồng. Các bị cáo đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa, quy ước cách chơi và tính thắng thua mỗi ván bạc như sau: P là người cầm cái. P đặt 04 quân vị lên đĩa, lấy bát úp lên, sau đó dùng hai tay cầm bát, đĩa xóc nhiều lần rồi đặt xuống chiếu. Các bị cáo còn lại đặt cửa chắn hoặc lẻ theo ý muốn, mức tiền đặt cửa từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng/1 người/1 ván. Sau khi tất cả đặt cửa xong, P mở bát ra, nếu có 01 (một) hoặc 03 (ba) quân vị cùng sấp hoặc cùng ngửa thì ván đó là lẻ, người đặt cửa lẻ thắng; ngược lại nếu có 02 (hai) hoặc 04 (bốn) quân vị cùng sấp hoặc ngửa thì ván đó là chắn, người đặt cửa chắn thắng. Người thắng được nhận từ P số tiền bằng số tiền đã đặt cửa, người thua mất toàn bộ số tiền đã đặt cửa cho P. P lấy tiền của người thua, trả cho người thắng, nếu còn thừa P sẽ được hưởng số tiền này, nếu không đủ P sẽ lấy tiền của mình ra bù vào để trả cho người thắng. Suốt quá trình đánh bạc, chỉ có P là người cầm cái, các bị cáo đánh bạc từ đầu đến cuối, không ai lúc đánh lúc nghỉ, không ai ngừng chơi trước. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày các bị cáo bị Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 10.400.000 đồng, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị, 01 kéo kim loại, 01 chiếu cói; quản lý trên người các bị cáo tổng số tiền 26.820.000 đồng các bị cáo đều khai nhận dùng để đánh bạc, cụ thể: T 1.650.000 đồng, P 4.300.000 đồng, M1 1.000.000 đồng, H2 70.000 đồng, B2 4.500.000 đồng, M2 3.100.000 đồng, Đ2 2.200.000 đồng, H 2.000.000 đồng, K 3.000.000 đồng, D 400.000 đồng, K1 4.400.000 đồng, K2 200.000 đồng, kiểm tra người Đ không phát hiện, thu giữ gì.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào đánh bạc là 37.220.000 đồng, trong đó xác định T có 1.100.000 đồng, thu 600.000 đồng tiền hồ, tổng số tiền dùng để đánh bạc là 1.700.000 đồng. P 8.000.000 đồng, nộp 100.000 đồng tiền hồ, còn lại 7.900.000 đồng dùng để đánh bạc. M1 6.000.000 đồng dùng để đánh bạc. H2 5.500.000 đồng, nộp 50.000 đồng tiền hồ, còn lại 5.450.000 đồng dùng để đánh bạc. B2 4.850.000 đồng dùng để đánh bạc. M2 3.000.000 đồng, nộp 100.000 đồng tiền hồ, còn lại 2.900.000 đồng để đánh bạc. Đ2 2.500.000 đồng, nộp 50.000 đồng tiền hồ, còn lại 2.450.000 đồng để đánh bạc. H 2.000.000 đồng dùng để đánh bạc. K 2.000.000 đồng dùng để đánh bạc. Đ 770.000 đồng, nộp 100.000

đồng tiền hồ, còn lại 670.000 đồng dùng để đánh bạc. D 630.000 đồng, nộp 100.000 đồng tiền hồ, còn lại 530.000 đồng dùng để đánh bạc. K1 570.000 đồng, nộp 100.000 đồng tiền hồ, còn lại 470.000 đồng để đánh bạc. K2 300.000 đồng dùng để đánh bạc. Xác định tổng số tiền bị cáo T thu tiền gá bạc là 600.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2020/HSST ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Gá bạc” và “Đánh bạc”; các bị cáo Hoàng Văn P, Phan Bá D, Ngô Văn H, Phạm Văn K, Phan Văn Đ, Trần Văn M1, Hoàng Trung H2, Nguyễn Văn B2, Trần Văn M2, Trần Văn Đ2, Lê Duy K1, Trần Văn K2 phạm tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm tù về tội “Gá bạc”. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo T 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt tù chung cho cả hai tội là 01(một) năm 09 (chín) tháng tù được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 02/02/2020 đến ngày 05/02/2020), thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Hoàng Văn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 02/02/2020 đến ngày 05/02/2020).

+ Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phan Bá D 01 (một) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ 3 ngày tạm giữ (từ ngày 02/02/2020 đến ngày 05/02/2020).

+ Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Ngô Văn H 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ khấu 03 ngày tạm giữ (từ ngày 02/02/2020 đến ngày 05/02/2020).

+ Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật

Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Văn K 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 02/02/2020 đến ngày 05/02/2020).

+ Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phan Văn Đ 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 02/02/2020 đến ngày 05/02/2020).

+ Bản án sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn B2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; Trần Văn M1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01(một) năm 06 (sáu); Hoàng Trung H2 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01(một) năm 06 (sáu) tháng; Trần Văn M2 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01(một) năm 04 (bốn) tháng; Trần Văn Đ2 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01(một) năm 04 (bốn) tháng; Lê Duy K1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ; Trần Văn K2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo đối với các bị cáo.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn 15 ngày, các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng Văn P, Phan Bá D, Ngô Văn H, Phạm Văn K, Phan Văn Đ có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, và trình bày rõ chỉ kháng cáo phần hình phạt chính của bản án. Các bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã quy kết, thể hiện thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng với các bị cáo, giảm hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo kháng cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như nội dung kháng cáo của các bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng Văn P, Phan Bá D, Ngô Văn H, Phạm Văn K. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo

của bị cáo Phan Văn Đ, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau;

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Kháng cáo của các bị cáo làm và gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng Văn P, Phan Bá D, Ngô Văn H, Phạm Văn K, Phan Văn Đ: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã quy kết. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định:

Trong khoảng thời gian từ 09 giờ 10 phút đến 10 giờ 30 phút ngày 02/02/2020, bị cáo Phạm Văn T đã có hành vi sử dụng nhà ở của mình tại thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình cho 12 người khác là Hoàng Văn P, Phan Bá D, Ngô Văn H, Phạm Văn K, Phan Văn Đ, Trần Văn M1, Hoàng Trung H2, Nguyễn Văn B2, Trần Văn M2, Trần Văn Đ2, Lê Duy K1, Trần Văn K2 cùng T đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “Xóc đĩa”, T thu 600.000 đồng tiền hồ của những người đánh bạc. Hoàng Văn P là người khởi xướng việc đánh bạc, trong quá trình đánh bạc trực tiếp cầm cái, Phan Bá D là người cắt quân vị; số tiền các bị cáo và đồng phạm sử dụng để đánh bạc là 37.220.000 đồng.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Văn T về tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; xét xử các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng Văn P, Phan Bá D, Ngô Văn H, Phạm Văn K, Phan Văn Đ và các đồng phạm khác về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Điều 322. Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc.

1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a...

b) Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên;

... ”.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo thấy:

[3.1] Tội phạm đánh bạc mà các bị cáo thực hiện có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều có chung mục đích đánh bạc, sát phạt nhau bằng tiền, nên khi bị cáo P khởi xướng, các bị cáo đã thống nhất ý chí và cùng nhau thực hiện tội phạm đánh bạc, vì vậy đều là những đồng phạm thực hành. Tuy nhiên bị cáo P là người khởi xướng, sử dụng số tiền nhiều nhất để đánh bạc trong vụ án, trực tiếp cầm cái trong toàn bộ quá trình đánh bạc, vì vậy bị cáo P có vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo D có số tiền đánh bạc thấp trong vụ án, nhưng là người cất quân vị, chuẩn bị phương tiện phạm tội, vì vậy bị cáo D có vai trò thứ hai. Bị cáo H, K, T sử dụng số tiền đánh bạc tương đương nhau, vì vậy ba bị cáo này có vai trò ngang nhau

và xếp thứ ba trong vụ án. Bị cáo Đ sử dụng số tiền 670.000 đồng để đánh bạc là thuộc nhóm các bị cáo có số tiền đánh bạc thấp nhất trong vụ án, vì vậy có vai trò sau cùng trong vụ án. Tội “Gá bạc” bị cáo T thực hiện độc lập.

[3.2] Về nhân thân các bị cáo: Bị cáo T, P có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội. Còn bị cáo D, H, K đều có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc, gá bạc; bị cáo Đ năm 2009 bị kết án về tội trộm cắp tài sản, đã được xóa án tích.

[3.3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo P đã có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là đúng pháp luật.

[3.4] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, quyết định xử phạt các bị cáo với mức án: Bị cáo T 09 tháng tù, P 01 năm 06 tháng tù, D 01 năm tù; H 08 tháng tù; K 08 tháng tù; Đ 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”; xử phạt bị cáo T 01 năm tù về tội “Gá bạc” là đúng pháp luật. Do bị cáo T phạm hai tội, bị cáo P có vai trò cao nhất trong vụ án, các bị cáo D, H, K đều đã nhiều lần bị xử phạt hành chính về hành vi cùng tính chất, tuy nhiên các bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội “Đánh bạc”. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc các bị cáo đó phải cách ly xã hội để cải tạo các bị cáo thành công dân lương thiện là phù hợp pháp luật, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm đánh bạc trong tình hình hiện nay.

Đối với bị cáo Phan Văn Đ: Bị cáo tuy đã một lần bị kết án năm 2009, nhưng về tội trộm cắp tài sản, bị cáo đã được xóa án tích 10 năm. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải cải tạo cách ly xã hội là có phần nghiêm khắc.

[3.5] Với các lập luận, phân tích trên: Cần căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T,

P, D, H, K, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Đ, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Đ, cho bị cáo được hưởng án treo.

[4] Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo T, P, D, H, K không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo của bị cáo Phan Văn Đ được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng Văn P, Phan Bá D, Ngô Văn H, Phạm Văn K. Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 40/2020/HSST ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về hình phạt đối với các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng Văn P, Phan Bá D, Ngô Văn H, Phạm Văn K:

[1.1] Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm tù về tội “Gá bạc”. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo T 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 01(một) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 02/02/2020 đến ngày 05/02/2020).

[1.2] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 02/02/2020 đến ngày 05/02/2020).

[1.3] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Bá D 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 02/02/2020 đến ngày 05/02/2020).

[1.4] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Văn H 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 02/02/2020 đến ngày 05/02/2020).

[1.5] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 02/02/2020 đến ngày 05/02/2020).

[2] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phan Văn Đ. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 40/2020/HSST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về biện pháp chấp hành hình phạt đối với Phan Văn Đ:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Văn Đ 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 29/7/2020 - về tội “Đánh bạc”.

Giao bị cáo Phan Văn Đ cho UBND xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2015.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về án phí: Áp dụng điểm b, điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng Văn P, Phan Bá D, Ngô Văn H, Phạm Văn K mỗi bị cáo phải nộp

200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Phan Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 29/7/2020./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Điều tra, Cơ quan thi hành án hình sự, Chi cục Thi hành án Dân sự; Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu hành chính tư pháp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Bình